

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
quý II và giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

M ã số	CHỈ TIÊU	Thuyết t minh	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012 (trình bày lại)	Lũy kế đến 30 tháng 6 năm 2013	Lũy kế đến 30 tháng 6 năm 2012 (trình bày lại)
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	11,606,500,051	24,190,929,629	20,615,093,703	168,587,942,961
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	-	-	4,989,551,415	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	11,606,500,051	24,190,929,629	15,625,542,288	168,587,942,961
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	4,600,241,491	7,758,970,679	5,521,189,957	33,217,844,397
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7,006,258,560	16,431,958,950	10,104,352,331	135,370,098,564
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	4,741,851,186	12,051,178,042	8,966,387,896	22,931,926,750
22	7. Chi phí tài chính	31	70,699,691,422	40,757,059,393	160,073,556,206	147,738,903,846
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		57,204,875,730	60,903,375,899	113,707,224,230	122,665,601,137
24	8. Chi phí bán hàng		1,425,162,734	1,262,413,000	3,860,388,707	2,032,834,276
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12,099,974,003	10,866,909,278	15,907,138,845	23,255,813,937
30	10. Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(72,476,718,413)	(24,403,244,679)	(160,770,343,531)	(14,725,526,745)
31	11. Thu nhập khác	32	495	524,000,002	7,508,383,974	2,476,269,510
32	12. Chi phí khác	32	2	-	7,689,028	-
40	13. Lợi nhuận khác	32	493	524,000,002	7,500,694,946	2,476,269,510
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(72,476,717,920)	(23,879,244,677)	(153,269,648,585)	(12,249,257,235)
51	15. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hiện hành	34.1	104,032,126	-	104,032,126	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		104,032,126		104,032,126	-
60	17. Lỗ sau thuế TNDN		(72,476,717,920)	(23,879,244,677)	(153,269,648,585)	(12,249,257,235)

Vũ Thanh Diệu
Người lập
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Phạm Phúc Hiệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc

